

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/4/2024		●	
Tuần 22/4-26/4/2024	●		
Tháng 04/2024	●		

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index trải qua một phiên giao dịch tích cực ngay từ khi mở cửa. Chỉ số tăng một mạch và đóng cửa tại mốc 1,205.61 điểm, tăng hơn 28 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin, dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hóa chất, Bán lẻ, Dịch vụ tài chính,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, VN-Index cần thu hẹp biên độ giao dịch hơn để hình thành đáy, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/04/2024, các chứng quyền biến động theo đà hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+28.21** điểm, đóng cửa tại **1205.61** điểm. HNX-Index **+5.24** điểm, đóng cửa tại **227.87** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+2.53)**, **CTG (+1.94)**, **GVR (+1.94)**, **HPG (+1.74)**, **MWG (+0.92)**.
- Kéo chỉ số giảm: **STG (-0.05)**, **QCG (-0.04)**, **PGI (-0.03)**, **VSH (-0.03)**, **TRA (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,751** tỷ đồng, tăng **7.65%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,794 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.48 điểm. Thị trường có **435** mã tăng, 39 mã tham chiếu, **69** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-251.28** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (-984.46** tỷ), **VHM (-84.72** tỷ), **VCB (-51.39** tỷ), **HDB (-45.38** tỷ), **GAS (-37.13** tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **60.37** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+3.28%**. Các mã diễn biến tích cực: **FPT (+6.95%)**, **NLG (+6.94%)**, **DGW (+6.73%)**.
- BSC50 **+3.61%**. Các mã diễn biến tích cực: **CEO (+7.47%)**, **VTP (+6.95%)**, **PDR (+6.92%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	3.28%	3.61%	2.40%	2.65%
1 tuần	-1.12%	-1.98%	-1.31%	-0.86%
1 tháng	-5.54%	-7.94%	-5.21%	-4.20%
3 tháng	11.69%	8.35%	8.09%	8.36%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,205.61	227.87	88.37
% 1D	2.40%	2.35%	0.98%
GTGD (tỷ VND)	16,751	1,527	406
%1D	7.65%	20.09%	-3.46%
GDNN (tỷ VND)	-251.28	60.37	-29.91

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	163.97	FUEVFNVD	-984.46
MWG	160.37	VHM	-84.72
VND	91.04	VCB	-51.39
SSI	72.74	HDB	-45.38
TPB	60.46	GAS	-37.13

Thị trường thế giới

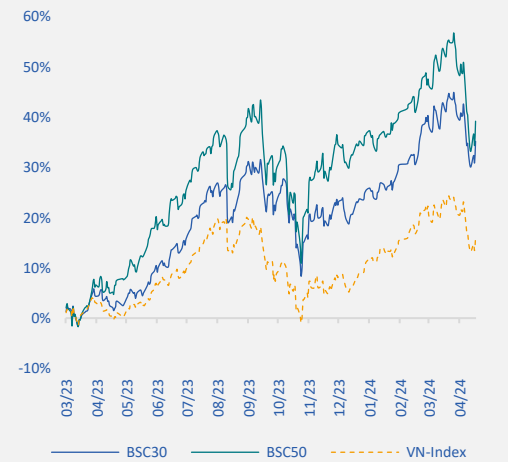
		%D	%W
SPX	5,071	1.20%	0.38%
FTSE100	8,045	0.26%	2.87%
Eurostoxx	4,412	1.09%	1.97%
Shanghai	3,022	-0.74%	0.50%
Nikkei	38,411	2.26%	1.08%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	88.68	0.26%
Giá vàng	2,322	-0.21%
Tỷ giá		
USD/VND	25,487	0.00%
EUR/VND	28,004	0.02%
JPY/VND	168	-0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.9%	0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



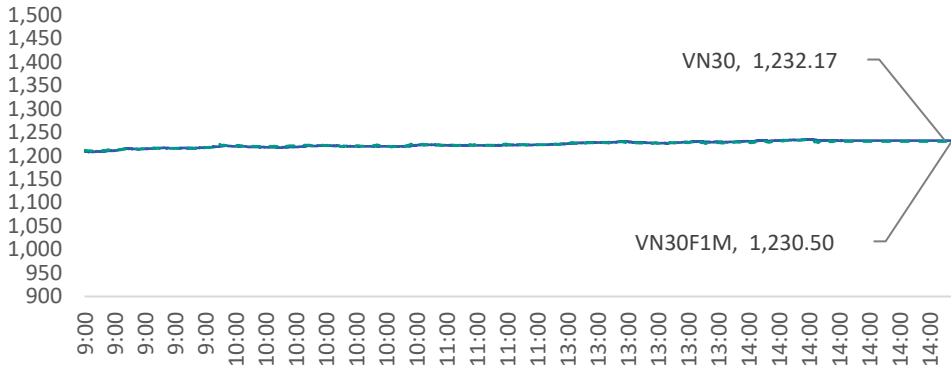
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1237.4	2.94%	190	36.69%	9/19/2024	148
VN30F2412	1242	3.05%	35	-2.78%	12/19/2024	239
VN30F2405	1230.5	2.49%	297553	-2.24%	5/16/2024	22
VN30F2406	1233.3	2.51%	1078	5.58%	6/20/2024	57

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +31.80 điểm, đóng cửa tại 1232.17 điểm. Biên độ dao động 34.50 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, MWG, TCB, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chịu áp lực bán cuối phiên khiến chỉ số đóng cửa dưới tham chiếu. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2405, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2405.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2315	5/6/2024	12	423,300	22.87%	82.00	20	100.0%	0.00	82.20	66.90	66.90
CVNM2313	5/6/2024	12	95,800	29.20%	82.30	40	100.0%	0.00	82.69	64.00	64.00
CVRE2317	5/6/2024	12	392,500	33.39%	30.00	20	100.0%	0.00	30.08	22.55	22.55
CVHM2307	6/26/2024	63	137,900	55.73%	62.67	70	75.0%	0.00	63.23	40.60	40.60
CVIC2312	7/5/2024	72	44,700	29.44%	52.35	150	36.4%	0.01	53.85	41.60	41.60
CVHM2311	8/5/2024	103	125,700	52.09%	60.50	250	25.0%	0.01	61.75	40.60	40.60
CPOW2306	6/26/2024	63	134,900	51.35%	16.00	60	20.0%	0.00	16.12	10.65	10.65
CNVL2305	6/26/2024	63	10,900	35.78%	17.00	910	11.0%	0.09	20.64	15.20	15.20
CVRE2318	7/5/2024	72	30,400	40.31%	31.00	160	6.7%	0.01	31.64	22.55	22.55
CVNM2314	10/7/2024	166	369,200	37.94%	85.15	400	5.3%	0.03	88.28	64.00	64.00
CVNM2310	8/9/2024	107	21,700	26.17%	78.40	240	4.3%	0.03	80.75	64.00	64.00
CVHM2312	5/6/2024	12	100	38.05%	56.00	10	0.0%	0.00	56.05	40.60	40.60
CVPB2309	5/6/2024	12	37,800	15.51%	21.45	10	0.0%	0.00	21.48	18.60	18.60
CVPB2316	5/6/2024	12	215,600	20.46%	22.36	10	0.0%	0.00	22.40	18.60	18.60
CVIC2306	6/26/2024	63	3,200	54.19%	62.22	240	0.0%	0.00	64.14	41.60	41.60
CVRE2312	5/6/2024	12	326,800	22.13%	27.50	10	0.0%	0.00	27.54	22.55	22.55
CPOW2309	5/17/2024	23	332,200	36.53%	14.50	20	0.0%	0.00	14.54	10.65	10.65
CVHM2302	5/24/2024	30	506,100	24.43%	50.00	130	0.0%	0.00	50.52	40.60	40.60
CVNM2315	1/6/2025	257	10,200	44.37%	87.11	1,350	-10.0%	0.14	92.40	64.00	64.00
CVHM2315	5/6/2024	12	189,000	25.54%	50.89	10	-50.0%	0.00	50.97	40.60	40.60

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 24/04/2024, các chứng quyền biến động theo đà hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2309 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 171.43%. CHPG2309 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.92%.
- CVHM2307, CVIC2306, CVRE2320, CVHM2311, và CPOW2306 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2302, CTCB2401, CFPT2309, CTCB2312, và CFPT2310 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	112.30	6.95%	2.53	10.95
CTG	31.50	4.60%	1.94	9.11
GVR	27.60	6.88%	1.94	6.24
HPG	27.60	4.35%	1.74	23.43
MWG	49.80	5.02%	0.92	12.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	17.40	7.47%	2.74	11.69
PVS	38.10	3.15%	2.25	5.91
SHS	17.90	3.91%	2.25	23.53
MBS	26.70	4.49%	2.09	3.78
IDC	52.90	2.84%	1.94	1.65

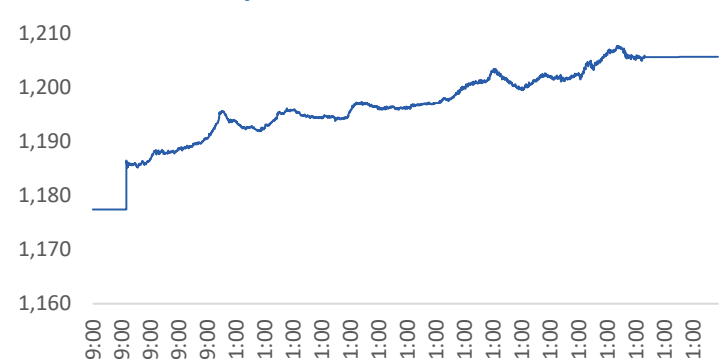
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ELC	20.00	7.00%	0.03	0.59
TDM	45.00	7.00%	0.09	0.51
DXV	5.58	6.99%	0.00	0.09
VTP	69.10	6.95%	0.15	1.73
FPT	112.30	6.95%	2.53	10.95

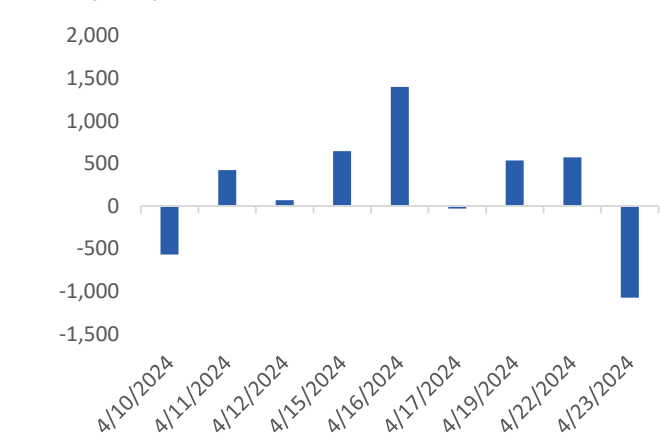
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MCO	15.10	9.93%	0.03	0.03
IPA	13.20	9.85%	1.16	0.65
HHC	69.90	9.73%	0.47	0.00
CAG	10.30	9.71%	0.06	0.25
INN	49.20	9.55%	0.35	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	47.35	-4.96%	-0.05	0.00
QCG	15.50	-3.87%	-0.04	3.12
PGI	25.20	-5.16%	-0.03	0.00
VSH	47.20	-1.06%	-0.03	0.03
TRA	82.00	-2.20%	-0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	16.00	-10.00%	-1.92	0.00
PTI	34.00	-5.59%	-0.55	0.00
NET	85.00	-2.82%	-0.20	0.01
TPP	10.50	-7.62%	-0.13	0.00
SAF	54.80	-5.11%	-0.12	0.00

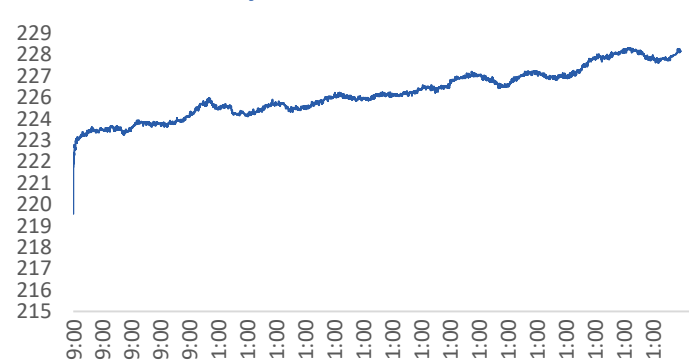
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FDC	12.35	-6.88%	-0.01	0.00
ADG	17.75	-6.76%	-0.01	0.02
VDP	40.00	-6.63%	-0.01	0.00
SCD	12.05	-6.22%	0.00	0.00
TNA	6.10	-5.57%	0.00	0.03

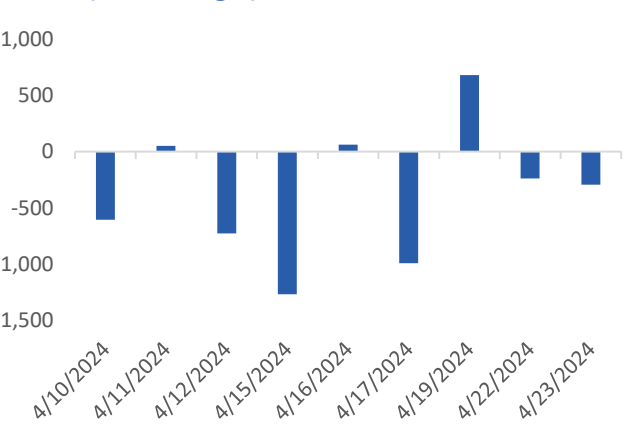
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ALT	20.00	-10.00%	-0.04	0.00
VIF	16.00	-10.00%	-1.92	0.00
SPC	10.20	-9.80%	-0.04	0.00
VLA	18.70	-9.63%	-0.02	0.00
BDB	13.00	-9.23%	0.00	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	90.6	0.60%	0.7	19,893	6.9	5,910	15.3	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	50.0	1.20%	1.1	11,197	2.8	3,772	13.3	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	1.10%	1.0	5,797	9.6	1,257	14.8	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	47.0	1.70%	1.1	6,504	13.9	5,111	9.2	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.6	2.50%	1.1	4,684	16.5	3,818	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.6	2.90%	1.0	2,118	15.7	4,094	7.0	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	33.0	4.60%	1.2	6,951	11.7	3,706	8.9	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.0	1.50%	0.8	4,127	7.1	4,131	6.5	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.6	3.30%	1.3	2,114	29.9	1,529	23.3	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	54.4	2.80%	1.1	705	3.5	4,223	12.9	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	28.8	4.30%	1.2	6,579	26.1	1,176	24.5	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	19.6	0.80%	1.7	476	4.7	1,321	14.9	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	40.6	1.00%	1.1	6,945	8.0	7,664	5.3	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	34.6	3.30%	1.3	1,085	4.1	895	38.6	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	38.5	6.90%	1.4	582	4.6	1,257	30.6	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	116.3	5.70%	1.5	1,735	13.8	8,163	14.2	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	31.0	3.00%	1.3	645	2.3	2,095	14.8	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	74.6	0.50%	0.7	6,731	2.5	5,053	14.8	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	39.3	3.10%	0.9	738	9.1	2,148	18.3	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	30.2	3.80%	1.2	660	5.2	1,052	28.7	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	10.6	1.90%	0.7	980	2.3	443	24.0	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.4	5.70%	1.1	656	1.7	4,914	15.1	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	81.3	2.90%	0.9	992	6.6	7,357	11.1	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	64.0	0.80%	0.6	5,255	6.0	4,246	15.1	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	66.9	3.40%	1.3	3,760	8.6	293	228.6	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	52.3	5.00%	1.4	3,004	23.7	115	456.2	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.3	1.90%	0.9	1,239	6.0	5,860	16.1	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	58.7	6.70%	1.8	385	5.3	2,121	27.7	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	120.1	6.90%	0.8	5,992	47.9	5,091	23.6	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	124.6	5.60%	1.1	560	2.3	4,510	27.6	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.4	0.90%	0.9	2,563	8.3	3,482	6.4	1.5	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.4	1.90%	1.2	2,133	3.7	3,376	6.3	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.0	4.30%	1.2	1,557	8.4	2,027	8.9	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	13.8	1.10%	1.2	1,080	2.8	2,322	5.9	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.6	1.70%	1.0	1,207	7.1	1,244	14.2	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.6	4.90%	1.5	765	7.6	1,175	23.5	2.3	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.5	4.30%	1.8	816	15.2	1,409	33.7	2.5	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.9	6.10%	1.6	1,000	14.0	2,057	10.2	1.5	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	50.0	1.20%	1.1	11,197	2.8	3,772	13.3	2.4	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	18.6	3.90%	1.8	594	17.2	1,076	17.3	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.7	4.50%	1.6	87	1.4	546	21.4	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.2	2.40%	1.5	603	1.8	53	325.3	1.4	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	65.4	4.00%	1.2	257	2.5	1,894	34.5	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.8	4.10%	1.5	206	2.7	782	16.3	0.6	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.7	2.10%	1.5	-	0.3	365	26.6	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	28.6	6.90%	1.9	686	28.5	195	147.2	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	18.7	7.50%	1.4	378	8.6	293	63.8	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.5	4.40%	1.6	890	5.8	2,646	11.2	1.1	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	50.8	3.50%	1.4	895	1.7	2,746	18.5	2.3	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	39.8	0.90%	1.2	282	2.2	1,515	26.3	2.4	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	82.0	5.80%	1.3	586	0.9	5,098	16.1	3.7	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	56.0	4.90%	1.1	298	1.1	4,574	12.2	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	29.5	6.90%	1.6	4,636	7.2	656	45.0	2.1	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	22.4	4.90%	1.7	231	5.7	446	50.1	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	109.9	2.70%	0.9	353	0.9	12,717	8.6	3.3	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.2	3.30%	1.5	210	1.2	1,477	9.6	0.9	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	16.6	6.80%	2.0	469	7.9	239	69.4	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.6	3.00%	1.2	2,013	5.0	1,940	11.6	1.4	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	27.0	6.90%	1.9	785	12.6	964	28.0	2.1	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	56.7	4.40%	1.6	98	1.1	4,732	12.0	1.7	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.1	1.60%	1.1	124	0.1	3,843	10.2	1.7	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	35.2	0.70%	0.9	1,760	1.0	2,230	15.8	1.5	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	28.4	4.40%	1.5	90	0.2	1,261	22.5	1.7	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.3	1.10%	1.1	-	2.8	2,790	6.6	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	30.0	3.40%	0.7	140	0.9	2,286	13.1	1.9	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	25.8	3.00%	1.3	315	2.4	450	57.2	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	26.4	3.30%	1.3	317	1.3	2,175	12.1	1.1	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	20.3	4.40%	1.9	679	8.9	388	52.3	0.8	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	15.4	0.70%	0.6	-	0.1	1,549	9.9	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	60.3	3.30%	0.9	968	2.6	5,354	11.3	1.2	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	29.3	3.50%	1.4	153	1.0	(252)	-116.0	1.4	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	65.0	0.90%	0.8	171	0.9	3,851	16.9	1.6	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	25.0	2.50%	0.8	350	2.2	3,005	8.3	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	20.4	3.00%	1.4	213	1.4	927	22.0	0.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	40.8	2.90%	1.3	169	2.0	3,648	11.2	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	73.9	6.90%	1.2	354	5.0	3,119	23.7	5.7	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	28.0	3.70%	1.7	266	10.1	103	271.0	1.5	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	151.0	4.10%	0.7	808	11.9	(2,537)	-59.5	12.0	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	45.6	0.20%	0.7	-	0.7	6,117	7.5	1.9	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	32.0	2.10%	1.2	491	2.5	1,327	24.1	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	20.6	3.00%	1.1	92	1.2	1,917	10.7	1.3	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639